

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2021/DS-ST**.

Ngày: 18 – 01 – 2021.

V/v: “*Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Võ Đăng Tuấn.
2. Ông Nguyễn Lắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2020/TLST – DS ngày 13/8/2020; về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số 39/2020/TB-TA, ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1964. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Xa Thị Lệ T, sinh năm 1970 và ông Trần Quốc H, sinh năm 1971. Đều vắng mặt.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 2, xã Đức Phú, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Ng yêu cầu vợ chồng bà Xa Thị Lệ T, ông Trần Quốc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ng số tiền đã vay là 145.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên Tòa thì bà Ng chỉ yêu cầu vợ chồng bà Thu, ông H phải trả cho bà Ng số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định, từ thời điểm tháng

01/2016 đến thời điểm xét xử nhưng bà Ng chỉ yêu cầu trả tiền lãi là 35.000.000 đồng, số vượt quá thì bà Ng không yêu cầu; tổng số tiền lãi và gốc bà Ng yêu cầu vợ chồng bà Th, ông H phải trả là 120.000.000 đồng. Bởi vì ngày 09/6/2014, bà T vay của bà Ng số tiền 100.000.000 đồng, bà T viết giấy mượn tiền cho bà Ng. Đến ngày 12/9/2014 bà T tiếp tục vay của bà Ng số tiền 45.000.000 đồng, bà T cũng viết giấy mượn tiền cho bà Nguyệt, bà Ng đã cung cấp hai giấy mượn tiền cho Tòa án. Thời gian gần đây, bà Ng cần lấy lại số tiền đã cho bà T vay, đã đến nhà yêu cầu vợ chồng bà T nhiều lần nhưng vợ chồng bà T chỉ hứa sẽ bán đất để trả nhưng sau đó không thực hiện nên bà Ng mới khởi kiện đến Tòa án. Tại phiên họp hòa giải do Tòa án mở ngày 04/9/2020 thì bà T thống nhất còn thiếu bà Ng số tiền 120.000.000 đồng, trong đó có 85.000.000 đồng tiền vay gốc và 35.000.000 đồng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định; bà T đồng ý trả số tiền trên cho bà Ng nhưng chưa có ý kiến thống nhất của ông H chồng bà T nên không thể hòa giải thành. Do vậy bà Ng không yêu cầu vợ chồng bà T trả số tiền còn thiếu theo đơn khởi kiện ban đầu mà chỉ cần trả theo số tiền bà T đã thống nhất tại Tòa án và tính lãi phát sinh mà thôi.

[2]. Theo lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như ý kiến đã trình bày tại phiên họp hòa giải, bị đơn - bà Xa Thị Lệ T trình bày:

Trước đây (không nhớ chính xác thời điểm) thì bà T có vay tiền của bà Ng hai lần với tổng số tiền vay là 140.000.000 đồng. Trong đó:

Lần thứ nhất là vào khoảng trước năm 2015 bà T vay bà Ng 80.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng nhưng không thỏa thuận thời hạn trả, bà T có viết nội dung vay tiền vào sổ theo dõi cho bà Ng giữ. Từ khi vay số tiền này, bà T trả lãi cho bà Ng đầy đủ. Từ năm 2015 đến năm 2016 có trả được 55.000.000 đồng tiền vay gốc, còn lại 25.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Lần thứ hai là vào khoảng năm 2016 bà T vay của bà Ng 60.000.000 đồng tiền vay gốc, lãi suất trả hàng tháng là 3%, cũng không thỏa thuận thời hạn trả. Với số tiền vay này thì bà T cũng trả lãi cho bà Ng đầy đủ, còn về tiền gốc thì từ năm 2016 đến 2017 đã trả được cho bà Ng tổng cộng là 24.000.000 đồng.

Việc bà T trả tiền lãi và gốc cho bà Ng thì không có chứng từ gì theo dõi nhưng theo bà T nhớ vào khoảng năm 2016 hai bên có viết giấy chốt nợ, với nội dung bà T còn thiếu bà Ng tổng số tiền là 85.000.000 đồng và giao cho bà Ng giữ.

Đối với hai giấy mượn tiền mà bà Ng đã cung cấp thì bà T công nhận đó là chữ viết của bà T nhưng không nhớ vào những thời gian thể hiện trong giấy thì bà T có vay tiền của bà Ng hay không mà chỉ xác định hiện nay còn thiếu bà Ng số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng.

Tại phiên họp hòa giải ngày 04/9/2020 do Tòa án mở thì bà T công nhận còn thiếu bà Ng tổng số tiền là 120.000.000 đồng, trong đó có 85.000.000 đồng tiền vay gốc và 35.000.000 đồng tiền lãi phát sinh.

[3]. Bị đơn – ông Trần Quốc H trong quá trình tố tụng có trình bày lời khai là không liên quan gì đến khoản tiền bà T còn thiếu bà Ng hiện nay. Tuy nhiên ông H không hợp tác, không ký biên bản lời khai và cũng không chấp hành triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ.

[4]. Những chứng cứ đã T thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bao gồm: Bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; bản chính giấy mượn tiền và bản tự khai.
- Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.
- Chứng cứ do Tòa án tiến hành T thập: Biên bản ghi lời khai của bà T và ông Hoàng.

[5]. Những vấn đề các đương sự thống nhất:

Bị đơn - bà Xa Thị Lệ T công nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Nguyệt, công nhận chữ viết trong giấy mượn tiền mà bà Ng cung cấp là của bà T và đến nay còn thiếu lại bà Ng số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng.

[6]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Các đương sự không thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc còn thiếu và yêu cầu tính lãi phát sinh từ nợ gốc.

[7]. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, T thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Xa Thị Lệ T, ông Trần Quốc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng và tiền lãi

phát sinh theo yêu cầu của bà Nguyệt. Buộc vợ chồng bà T, ông H phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí chi bà Nguyệt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên Tòa, bị đơn – bà Xa Thị Lệ T và ông Trần Quốc H đều vắng mặt tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ phát sinh từ giao dịch dân sự vay tài sản từ năm 2014. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1]. *Về yêu cầu trả tiền vay gốc của nguyên đơn:*

Tại phiên Tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ng chỉ yêu cầu vợ chồng bà Xa Thị Lệ T, ông Trần Quốc H phải trả số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng theo như nội dung mà bà T đã thống nhất với bà Ng trong phiên họp hòa giải ngày 04/9/2020 tại Tòa án chứ không yêu cầu phải trả số tiền 145.000.000 đồng như nội dung khởi kiện ban đầu.

Tuy vắng mặt tại phiên Tòa nhưng theo nội dung lời khai đã trình bày có tại các bút lục số 24 và 25 trong hồ sơ vụ án, bị đơn – bà Xa Thị Lệ T công nhận có vay của bà Nguyễn Thị Ng tổng số tiền gốc là 140.000.000 đồng, đã trả được 55.000.000 đồng, đến nay chỉ còn nợ bà Ng tiền vay gốc là 85.000.000 đồng.

Nội dung này đã được bà Ng và bà T thống nhất tại phiên họp hòa giải do Tòa án mở ngày 04/9/2020. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà Ng đối với vợ chồng bà Thu, ông H là có căn cứ nên cần chấp nhận, theo đó cần buộc vợ chồng bà Thu, ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ng số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3.2]. *Về yêu cầu trả số tiền lãi phát sinh trên tiền vay gốc của nguyên đơn:*

Tại phiên Tòa, ngoài việc yêu cầu trả tiền vay gốc là 85.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị Ng còn yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định với số tiền lãi phải trả là 35.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy bà Xa Thị Lệ T đã công nhận các giấy mượn tiền bà Ng cung cấp là chữ viết của bà Thu. Theo nội dung các giấy mượn tiền thể hiện việc vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, không ghi lãi suất thỏa thuận; khi đến hạn mà bên vay không thực hiện trả tiền gốc thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: $85.000.000 \text{ đồng} \times 60 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng}$ (Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 là 9%/năm) = **38.250.000 đồng**. Tuy nhiên, bà Ng chỉ yêu cầu trả 35.000.000 đồng tiền lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo số tiền mà bà Ng đã yêu cầu chứ không cần buộc vợ chồng bà Thu, ông H phải trả tiền lãi theo số đã được tính toán.

[3.3]. Về tổng số tiền vay gốc và lãi phát sinh phải trả:

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc vợ chồng bà Xa Thị Lệ T và ông Trần Quốc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ng tổng số tiền là 120.000.000 đồng, trong đó có 85.000.000 đồng tiền vay gốc và 35.000.000 đồng tiền lãi phát sinh.

[4]. Về nghĩa vụ trả tiền vay: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bà Nguyễn Thị Ng yêu cầu vợ chồng bà Xa Thị Lệ T, ông Trần Quốc H phải có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyệt. Thể hiện ý kiến tại biên bản ghi lời khai bút lục số 29 thì ông H cho rằng không liên quan gì đến việc vay tiền giữa bà T với bà Nguyệt. Tuy nhiên, theo nội dung lời khai của bà T đã thể hiện tại bút lục số 24 thì sau khi hai bên chốt nợ, bà T đã có báo cho ông H biết việc vay mượn tiền và ông H cũng thống nhất, bà T vay tiền của bà Ng về để làm vốn đầu tư sản xuất kinh doanh chung trong gia đình nên tiền còn thiếu bà Ng là nợ chung của bà T với ông Hoàng. Do đó cần buộc ông H phải liên đới nghĩa vụ với bà T trả cho bà Ng số tiền gốc và lãi phát sinh là phù hợp với quy định tại Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc vợ chồng bà Xa Thị Lệ T, ông Trần Quốc H phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6]. Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Xa Thị Lệ T, ông Trần Quốc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 85.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi theo yêu cầu của bà Ng. Buộc vợ chồng bà Thu, ông H phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Ng. Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các 147, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các Điều 27, 37 Luật HNGĐ năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ng.

Buộc vợ chồng bà Xa Thị Lệ Th, ông Trần Quốc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền là **120.000.000 đồng**, trong đó có 85.000.000 đồng tiền vay gốc và 35.000.000 đồng tiền lãi phát sinh. Chia phần bà Th, ông H mỗi người phải trả cho bà Ng số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày 19/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Buộc vợ chồng bà Xa Thị Lệ Th, ông Trần Quốc H phải liên đới nộp 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ng 3.625.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số N. 0004763, ngày 13/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/01/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Hạ Hải Hồ